

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2325 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và
Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty TNHH
Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về
đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại
doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về
thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế
hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH Một
thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 34/TTr-KHĐT
ngày 21/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát
triển năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi
Vĩnh Bảo, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, phục vụ
sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là
công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong công tác thủy lợi để đáp ứng mục tiêu xây
dựng nông thôn mới của huyện Vĩnh Bảo.

- Thực hiện tốt công tác quản lý điều hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo phục vụ nguồn nước có chất lượng tốt cho sản xuất nông nghiệp; phát triển dịch vụ cung cấp nước thô cho sản xuất công nghiệp, xây dựng, sản xuất nước sạch và các ngành kinh tế khác trên địa bàn huyện và thành phố.

- Bảo vệ nguồn nước, chất lượng nước, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, quản lý vận hành công trình an toàn, chống xuống cấp công trình, tham gia tích cực, có trách nhiệm vào công tác phòng chống lụt bão, chống úng hạn và xâm nhập mặn của huyện Vĩnh Bảo, ngăn chặn tình trạng lấn chiếm hành lang, chỉ giới, phạm vi bảo vệ công trình, chống xả thải gây ô nhiễm nguồn nước và các hành vi xâm hại công trình.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ công ích trên cơ sở hoàn thành tốt kế hoạch tưới, tiêu hàng năm đã được ký kết với các đơn vị dùng nước, cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác.

- Đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

- Phân đầu tăng doanh thu hàng năm, tăng thu ngân sách và thu nhập cho người lao động, góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách theo quy định đối với người lao động và nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Sản lượng chủ yếu		
1.1	Diện tích tưới tiêu cho nông nghiệp	ha	21.752,36
1.2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	ha	8.232,38
1.3	Cấp nước thô cho sinh hoạt và công nghiệp	m ³	3.740.000
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	33.325
2.1	Dịch vụ công ích thủy lợi	triệu đồng	29.859
2.2	Cấp nước thô	triệu đồng	3.366
2.3	Doanh thu khác	triệu đồng	100
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	2.440

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
4	Nộp ngân sách	triệu đồng	570
5	Tổng lao động	người	196
6	Thu nhập bình quân người/tháng	triệu đồng	7,9

b) Kế hoạch đầu tư phát triển

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung đầu tư	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn
1	Công trình bảo trì, sửa chữa	21.410	Ngân sách cấp hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định
		6.000	Nguồn thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác
2	Xây dựng phương án cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình	100	
	Tổng (1+2)	27.510	

(Chi tiết danh mục sửa chữa các công trình thủy lợi tại Phụ lục kèm theo)

Công ty thực hiện việc đầu tư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; Công ty bù đắp phần kinh phí còn thiếu (nếu có) sau khi quyết toán từ nguồn hợp pháp khác đối với các công trình sử dụng nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định.

3. Các giải pháp chủ yếu

3.1. Giải pháp về tài chính

a) Hoạt động dịch vụ công ích.

- Thúc đẩy tăng doanh thu bằng việc ổn định nguồn ngân sách cấp cho công tác miễn thu thủy lợi phí, tăng doanh thu từ dịch vụ cung cấp nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, xây dựng, sinh hoạt, đặc biệt là các nhà máy nước mini trên địa bàn huyện.

- Tiến hành ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh lý diện tích theo từng vụ đảm bảo kế hoạch. Ký kết hợp đồng cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mini, tiến hành thu đủ tiền cung cấp nước thô để đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí bằng việc ban hành các định mức, nhất là định mức tiền điện của các trạm bơm tưới, từ đó gắn với trách nhiệm của công

nhân vận hành và cụm sản xuất, xây dựng cơ chế thưởng, phạt gắn với trách nhiệm quản lý công trình.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thường xuyên phân tích và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường công tác hạch toán và quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và tích lũy vốn để phát triển.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thêm công việc như tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế công trình thủy lợi nhằm tăng doanh thu theo kế hoạch đã đề ra.

3.2. Giải pháp về sản xuất

a) Hoạt động dịch vụ công ích

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình vận hành công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố công trình trước, sau mùa mưa bão và trước các vụ sản xuất; gắn trách nhiệm cá nhân trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Khai thác gắn với công tác bảo vệ, đầu tư nâng cấp công trình, làm tốt công tác quy hoạch đảm bảo tính lâu dài và đồng bộ, hệ thống tưới, tiêu được khép kín từ các công trình đầu mối đến mặt ruộng, phù hợp với từng loại cây trồng, vùng sản xuất, từng ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

- Khai thác, đẩy mạnh dịch vụ cung cấp nước thô cho các nhà máy nước mini và khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu. Trước mắt là khai thác hợp đồng cung cấp nước thô với tất cả các đơn vị dùng nước có sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sản xuất nước sạch trên địa bàn huyện.

- Thực hiện sắp xếp mô hình sản xuất đảm bảo tinh gọn, chuyên sâu về chuyên môn.

b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tích cực khai thác, tìm kiếm việc làm trên cơ sở phát huy tiềm năng của Công ty, nhu cầu của thị trường; mở rộng dịch vụ, ngành nghề liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

- Từng bước nâng cao năng lực thi công, thực hiện các biện pháp thi công khoa học để nâng cao năng lực và kinh nghiệm nhà thầu, chủ động tìm các công trình mới trong hoạt động xây dựng cơ bản.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong thực hiện sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, chính sách đối với người lao động.

- Đối với các cụm thủy lợi trực thuộc cần phối hợp chặt chẽ với các thôn, xã, nơi có công trình thủy lợi, để quản lý, khai thác và bảo vệ hiệu quả các công trình. Đẩy mạnh công tác cấp nước thô cho các nhà máy nước và khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu tiền nước.

- Sắp xếp hợp lý lao động dần tiến tới khoán công trình, khoán việc nhằm nâng cao trách nhiệm của người lao động, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu tăng lương tối thiểu của Nhà nước.

3.3. Giải pháp về marketing

- Tìm kiếm thị trường; xây dựng hình ảnh, uy tín của Công ty bằng chất lượng cung cấp các dịch vụ công ích, sản phẩm công trình do Công ty cung cấp và thực hiện.

- Tăng cường quảng bá, giới thiệu về Công ty trên trang thông tin điện tử của Công ty và các kênh thông tin khác đến khách hàng và đối tác để thu hút, tìm kiếm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

3.4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực đảm bảo các yêu cầu về năng lực đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Quan tâm đến đội ngũ cán bộ nguồn kế cận, các chức danh cán bộ chủ chốt và đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành, công nhân lành nghề có năng lực, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Đổi mới và xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, khoa học, văn minh của cán bộ và người lao động, lấy hiệu quả công việc làm tiêu chí sắp xếp cán bộ.

3.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Ứng dụng các công nghệ mới, các phương pháp tưới tiêu khoa học phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng để tiết kiệm nguồn nước và chi phí tiền điện bơm nước.

- Nghiên cứu, thực hiện cải tiến kỹ thuật để vận hành công trình bằng máy móc thiết bị, hạn chế tối đa vận hành bằng thủ công, giảm tối đa sức lao động của con người.

3.6. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình thủy lợi

- Thực hiện quản lý, khai thác công trình thủy lợi, xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Tăng cường công tác quản lý điều hành, đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới tiêu, phục vụ sản xuất, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân lao động và cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm, lấn chiếm công trình thủy lợi theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi và đề điều trên địa bàn thành phố, Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Đồng thời báo cáo chính quyền cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm công trình thủy lợi.

- Tăng cường công tác phòng chống nhiễm mặn cửa cống, tránh rò rỉ vào đồng ruộng để đảm bảo phục vụ tốt công tác dân sinh và điều tiết nước trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

3.7. Giải pháp về quản lý, điều hành

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra thường xuyên và đột xuất nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, công nhân lao động trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm và chức năng, nhiệm vụ của Công ty, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, phân công lao động cho phù hợp với tay nghề và trình độ chuyên môn của từng cán bộ, công nhân lao động, phát huy năng lực và sở trường cá nhân của người lao động; phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh lãnh đạo, từng cá nhân, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các cụm, các đội, các công trình trong Công ty.

- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tiễn để thống nhất trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 theo đúng quy định, đảm bảo hoàn thành kế hoạch.

- Sắp xếp thứ tự ưu tiên các hạng mục công trình sửa chữa để thực hiện, đảm bảo phù hợp với nguồn vốn được bố trí.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo thực hiện việc sửa chữa các công trình thuộc kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty.

3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo; các Sở, ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo; kịp thời xử lý những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo, Thủ trưởng các ngành liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- CPVP, các PCVP;
- Phòng: NNTN&MT, TCNS, NCKTGS;
- Lưu: VT, TL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục: Danh mục đầu tư công trình năm 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo
(Kèm theo Quyết định số **2325/QĐ-UBND** ngày **10** tháng **7** năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
I	Công trình sửa chữa (từ nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định)				21.410			
1	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Long, xã Thắng Thủy				1.650			
	Trạm bơm Cổng Tiền	Xã Vĩnh Long	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		350	20°42'20.9"N 106°26'38.5"E	20°42'11.8"N 106°26'43.2"E
	Trạm bơm Chiều Thông	Xã Vĩnh Long	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		230	20°42'32.2"N 106°25'48.7"E	20°42'32.5"N 106°25'42.6"E
	Trạm bơm Trại Chanh	Xã Thắng Thủy	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		210	20°43'44.0"N 106°25'18.8"E	20°43'39.2"N 106°25'20.8"E
2	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã An Hòa, xã Hiệp Hòa				1.560			
	Trạm bơm An Lãng	Xã An Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		380	20°40'40.5"N 106°26'23.2"E	20°40'30.7"N 106°26'18.9"E
	Trạm bơm Trúc Hiệp	Xã Hiệp Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		270	20°41'48.4"N 106°25'15.9"E	20°41'53.5"N 106°25'12.1"E

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
3	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Trung Lập				1.650			
	Trạm bơm Áng Ngoại	Xã Trung Lập	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		350	20°42'21.1"N 106°27'19.9"E	20°42'23.2"N 106°27'08.7"E
	Trạm bơm Cung Chúc	Xã Trung Lập	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		330	20°43'13.4"N 106°28'13.9"E	20°43'05.9"N 106°28'21.5"E
4	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Hùng Tiến, xã Thị trấn				1.440			
	Trạm bơm Phương Lâm	Xã Hùng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		400	20°42'22.4"N 106°26'59.2"E	20°42'21.0"N 106°27'10.2"E
	Trạm bơm Bắc Hải	Thị Trấn	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		220	20°41'56.7"N 106°28'11.9"E	20°41'52.3"N 106°28'16.6"E
5	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Nhân Hòa				1.650			
	Trạm bơm Quang Trung	Xã Nhân Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		142	20°40'32.8"N 106°28'45.4"E	20°40'31.0"N 106°28'40.9"E

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
	Trạm bơm Đồng Chanh	Xã Nhân Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		205	20°40'12.7"N 106°29'31.1"E	20°40'12.4"N 106°29'25.5"E
	Trạm bơm Quỳnh Tiên	Xã Nhân Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		180	20°39'59.5"N 106°29'04.7"E	20°39'56.4"N 106°29'08.2"E
	Trạm bơm Mai Sơn	Xã Nhân Hòa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		180	20°40'25.3"N 106°28'39.4"E	20°40'15.8"N 106°28'42.0"E
6	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Việt Tiến				1.310			
	Trạm bơm Liễu Kinh 1	Xã Việt Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		450	20°43'19.2"N 106°28'47.1"E	20°43'17.4"N 106°28'31.6"E
	Trạm bơm Tầm Thượng 3	Xã Việt Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		250	20°42'44.9"N 106°28'44.9"E	20°42'51.8"N 106°28'46.8"E
7	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Đồng Minh, xã Hưng Nhân				1.590			
	Trạm bơm Cái Cò	Xã Đồng Minh	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		266	20°39'24.7"N 106°28'02.4"E	20°39'31.1"N 106°28'08.6"E

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
	Trạm bơm Cô Tinh	Xã Đồng Minh	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		230	20°39'19.8"N 106°28'29.2"E	20°39'15.9"N 106°28'36.1"E
	Trạm bơm Cây Sanh	Xã Hưng Nhân	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		270	20°39'36.8"N 106°27'41.3"E	20°39'41.9"N 106°27'33.7"E
8	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vinh Quang				1.650			
	Trạm bơm Cầu Rùa	Xã Vinh Quang	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		360	20°39'43.8"N 106°29'41.5"E	20°39'52.8"N 106°29'45.3"E
	Trạm bơm Hòa Bình	Xã Vinh Quang	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		210	20°40'01.0"N 106°28'16.5"E	20°40'07.1"N 106°28'13.3"E
	Trạm bơm Đồng Gạo	Xã Vinh Quang	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		230	20°39'09.7"N 106°29'37.0"E	20°39'06.8"N 106°29'44.3"E
	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Tam Đa, xã Liên Am				1.250			
9	Trạm bơm Con Tôm	Xã Tam Đa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		305	20°40'23.4"N 106°29'59.1"E	20°40'22.6"N 106°30'09.6"E

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
	Trạm bơm Chanh Dưới	Xã Tam Đa	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		120	20°39'59.8"N 106°30'26.5"E	20°39'59.0"N 106°30'30.5"E
	Trạm bơm Râu Nghê	Xã Liên Am	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		80	20°38'02.3"N 106°30'30.9"E	20°38'03.1"N 106°30'28.1"E
10	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Trấn Dương, xã Cộng Hiền				1.330			
	Trạm bơm Trấn Hải	Xã Trấn Dương	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		160	20°38'35.5"N 106°34'42.3"E	20°38'40.7"N 106°34'42.9"E
	Trạm bơm Dương Tiên	Xã Trấn Dương	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		250	20°38'34.0"N 106°34'21.8"E	20°38'33.4"N 106°34'30.4"E
	Trạm bơm Đồng Xăng	Xã Cộng Hiền	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		210	20°37'48.1"N 106°28'49.8"E	20°37'53.3"N 106°28'54.9"E
11	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Lý Học				1.200			
	Trạm bơm Tây Lý Am 1	Xã Lý Học	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		275	20°39'35.7"N 106°31'34.0"E	20°39'44.6"N 106°31'33.7"E

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
	Trạm bơm Tây Lý Am 2	Xã Lý Học	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		275	20°39'42.6"N 106°31'34.4"E	20°39'33.7"N 106°31'34.8"E
12	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Cổ Am, xã Cao Minh				1.300			
	Trạm bơm Đồng Cửa	Xã Cổ Am	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		400	20°37'55.8"N 106°33'02.0"E	20°37'51.9"N 106°32'50.4"E
	Trạm bơm Liễu Điện	Xã Cao Minh	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		220	20°37'31.8"N 106°31'39.1"E	20°37'37.9"N 106°31'40.9"E
13	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Thanh Lương				1.150			
	Trạm bơm Ấp Giáo	Xã Thanh Lương	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		320	20°38'27.2"N 106°28'47.6"E	20°38'20.1"N 106°28'55.6"E
	Trạm bơm Lương Trạch	Xã Thanh Lương	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lề không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.		275	20°38'41.0"N 106°28'43.4"E	20°38'46.6"N 106°28'50.1"E
14	Công trình: Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Dũng Tiến				1.650			

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
	Trạm bơm Đồng Ngừ	Xã Dũng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		400	20°44'04.4"N 106°27'55.8"E	20°44'15.6"N 106°27'48.8"E
	Trạm bơm An Bò	Xã Dũng Tiến	Đáy mương, thành mương bị xuống cấp rò rỉ nước nhiều, đất đắp lè không đảm bảo.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lè.		425	20°44'45.5"N 106°28'48.0"E	20°44'42.4"N 106°28'33.7"E
15	Sửa chữa nhà quản lý Cống, Trạm bơm				1.030			
	Sửa chữa nhà quản lý cống Lý Am	Xã Lý Học	Nền nhà, tường, mái bị xuống cấp nặng.	Sửa chữa nhà quản lý cống cũ			20°39'46.9"N 106°31'34.6"E	
	Sửa chữa nhà trạm bơm Viên Lang 1	Xã Việt Tiến	Nền nhà, tường, mái bị xuống cấp nặng.	Sửa chữa nhà trạm bơm cũ			20°43'09.5"N 106°29'21.4"E	
	Sửa chữa nhà trạm bơm Xuân Bò	Xã Việt Tiến	Nền nhà, tường, mái bị xuống cấp nặng.	Sửa chữa nhà trạm bơm cũ			20°44'31.9"N 106°29'20.2"E	
	Sửa chữa nhà trạm bơm Đồng Xanh 1	Xã Vĩnh An	Nền nhà, tường, mái bị xuống cấp nặng.	Sửa chữa nhà trạm bơm cũ			20°42'43.4"N 106°30'10.4"E	
	Sửa chữa nhà trạm bơm Ngãi Đông	Xã Trần Dương	Nền nhà, tường, mái bị xuống cấp nặng.	Sửa chữa nhà trạm bơm cũ			20°38'27.4"N 106°33'59.6"E	
	Công trình sửa chữa (Nguồn dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác)				6.000			
1	Nạo vét kênh tiếp nguồn trạm bơm Đồng Cửa	Xã Cổ Am	Đáy kênh bị nông đầy.	Nạo vét đất đáy kênh	92	890	20°38'06.6"N 106°33'00.6"E	20°38'35"N 106°32'56"E

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
2	Nạo vét kênh Cầu Bàng	Xã Tam Cường	Đáy kênh bị nông đầy.	Nạo vét đất đáy kênh	210	1.070	20°38'23.6"N 106°32'10.1"E	20°37'51"N 106°32'06"E
3	Nạo vét kênh hút trạm bơm An Lãng	Xã An Hòa	Đáy kênh bị nông đầy.	Nạo vét đất đáy kênh	310	1.179	20°40'40.7"N 106°26'23.7"E	20°40'10.4"N 106°26'48.8"E
4	Nạo vét kênh hút trạm bơm Chùa Lâm	Xã Tân Hưng	Đáy kênh bị nông đầy.	Nạo vét đất đáy kênh	100	294	20°41'20.7"N 106°27'54.2"E	20°41'21.2"N 106°27'44.0"E
5	Sửa bờ kênh cống Đông phía ngoài sông và trong đồng	Xã Tiên Phong	Bờ kênh bị vỡ, lở.	Đóng cọc, phen tre, đắp đất phần bị xói lở	160		20°61'87"N 106°46'28"E	
6	Thay cánh sắt cống Ba Làng xã Cao Minh	Xã Cao Minh	Cánh cũ bị hỏng	Thay cánh sắt	73		20°36'47.7"N 106°30'54.8"E	
7	Sửa chữa sân trụ sở Công ty, nền nhà phòng kế toán	Thị Trấn	Sân cũ bị hỏng, nền nhà bị bong.	Đổ lại bê tông sân, lát lại nền nhà	454		20°41'06.7"N 106°28'48.9"E	
8	Sửa chữa 2 cầu máng trạm bơm bãi Hàm	Xã Hòa Bình	Cầu máng cũ bị hỏng.	Sửa chữa lại 2 cầu máng sau trạm bơm	396		20°40'14.3"N 106°33'56.6"E	
							20°40'11.1"N 106°34'05.7"E	
9	Sửa chữa nhà để xe trạm bơm Thượng Đồng	Xã An Hòa	Nhà xe cũ, xuống cấp.	Lợp lại mái, sửa sân	200		20°39'42"N 106°26'23"E	
10	Sửa chữa mương cứng trạm bơm Cầu Sáu 1	Xã Tam Cường	Đáy mương bị hỏng, rò rỉ nước.	Sửa chữa đáy mương, thành mương	159	480	20°37'13.3"N 106°32'03.3"E	20°37'28.8"N 106°32'04.9"E

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối
11	Thay cánh cửa nhà Hội trường, phòng bảo vệ Công ty	Thị Trấn	Cánh cửa hội trường bị mọt, hỏng, tường phòng bảo vệ bị hỏng.	Thay cánh cửa gỗ đã hỏng	195		20°41'06.9"N 106°28'49.8"E	
12	Nạo vét kênh sau cống Bái Khê	Xã Liên Am	Đáy kênh bị nông đầy.	Nạo vét đất đáy kênh	452	1.000	20°39'46.0"N 106°31'16.2"E	20°39'12.7"N 106°31'16.5"E
13	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm Đình Mễ	Xã Vinh Quang	Bị rò rỉ nước ở đáy và thành, thành mương bị nghiêng và đổ, đất đắp lề không còn.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.	281	152	20°39'46.2"N 106°28'56.6"E	20°39'47.2"N 106°28'51.4"E
14	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm Cầu Sắt	Xã Hùng Tiến	Bị rò rỉ nước ở đáy và thành, thành mương bị nghiêng và đổ, đất đắp lề không còn.	Sửa chữa đáy mương, thành mương, bổ sung đất đắp lề.	224	89	20°41'20.5"N 106°26'43.5"E	20°41'18.1"N 106°26'45.2"E
15	Sửa chữa cống, đập, trạm bơm và các công trình đột xuất khác	huyện Vĩnh Bảo	Máy đóng mở, máy bơm cũ, kênh hút, kênh dẫn sau trạm bơm điện, đã xuống cấp.	Sửa chữa cấp bách để kịp thời phục vụ sản xuất.	2.694			
Tổng cộng (I) + (II):					27.410			

